

Số: 575/QĐ-TTYT

Bắc Sơn, ngày 08 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách  
9 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BẮC SƠN**

- Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lạng Sơn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực, trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn;
- Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-SYT ngày 15/9/2025 của Sở Y tế Lạng Sơn về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Trung tâm Y tế khu vực thuộc Sở Y tế;
- Xét đề nghị của phòng Tài chính kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn (có biểu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

**Điều 3.** Toàn thể công chức, viên chức và người lao động Trung tâm y tế khu vực Bắc Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- PGD số 9-KBNNKV VI;
- Lãnh đạo TTYTKV Bắc Sơn;
- Lưu VT-TCKT-KHNV.



**Đặng Minh Kim**

Đơn vị: Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn  
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Sơn, ngày 08 tháng 10 Năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TTYP ngày 08/10/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện 9 tháng/2024	Dự toán năm 2025	Thực hiện 9 tháng/2025	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>					
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>					
1	Lệ phí					
2	Phí					
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>					
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>					
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>					
2	Phí					
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	25.021,05	42.281,12	21.663,97	51%	87%
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	25.021,05	42.281,12	21.663,97	51%	87%
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Số TT	Nội dung	Thực hiện 9 tháng/2024	Dự toán năm 2025	Thực hiện 9 tháng/2025	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	25.021,05	42.281,12	21.663,97	51%	87%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.095,72	30.717,05	20.920,93	68%	110%
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.925,32	11.564,07	743,04	6%	13%
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>					

